Người hành hải nên đảm bảo hải đồ luôn được cập nhật. Để tải các cập nhật cho hải đồ này, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử: www.vrmsa.vn
Mariners should ensure this chart kept corrected up to date. To download the updates to this chart, please access to Website: www.vrmsa.vn

WGS84 VN50023

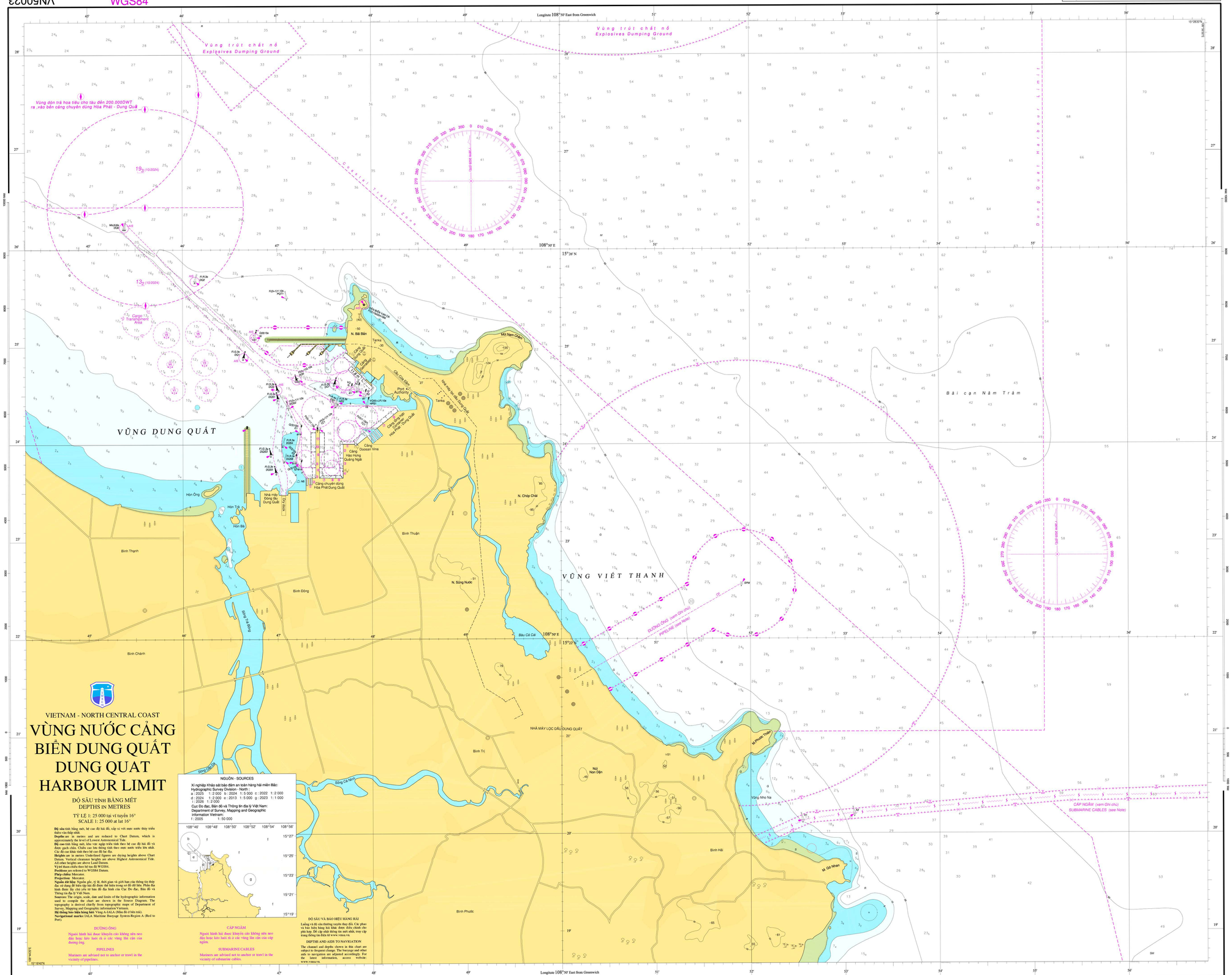
VIETNAM - NORTH CENTRAL COAST
VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN DUNG QUẤT
DUNG QUAT HARBOUR LIMIT
ĐỘ SÂU TÍNH BẰNG MÉT
DEPTHS IN METRES
TỶ LỆ 1: 25 000 tại vĩ tuyến 16°
SCALE 1: 25 000 at lat 16°
Độ sâu tính bằng mét, hệ cao độ hải đồ, sắp xỉ với mực nước thủy triều thấp vào thấp nhất.
Depths in metres and are reduced to Chart Datum, which is approximately the level of Lowest Astronomical Tide.
Độ cao tính bằng mét, khu vực ngập triều tính theo hệ cao độ hải đồ và được gạch chân. Chiều cao lưu thông tính theo mực nước triều lớn nhất. Các độ cao khác tính theo hệ cao độ lục địa.
Heights are in metres Underlined figures are drying heights above Chart Datum. Vertical clearance heights are above Highest Astronomical Tide. All other heights are above Land Datum.
Vị trí tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84.
Positions are referenced to WGS84 Datum.
Phép chiếu: Mercator.
Projection: Mercator.
Nguồn đồ liệu: Nguồn gốc, tý lệ, thời gian và giới hạn của thông tin thủy đạc sử dụng để biên tập hải đồ được thể hiện trong sơ đồ độ liệu. Phần đa lãnh được lấy chủ yếu từ bản đồ địa hình của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.
Sources: The origin, scale, date and limits of the hydrographic information used in compiling this chart are shown in the Source Diagram. The topography is derived chiefly from topographic maps of Department of Survey, Mapping and Geographic information Vietnam.
Hệ thống báo hiệu hàng hải: Vùng A-IALA (Mũi đỏ ở bên trái).
Navigational marks: IALA Maritime Buoyage System-Region A (Red to Port).
ĐƯỜNG ỐNG
Người hành hải được khuyến cáo không nên neo đậu hoặc kéo lưới rà ở các vùng lân cận của đường ống.
PIPELINES
Mariners are advised not to anchor or trawl in the vicinity of pipelines.
NGUỒN - SOURCES
Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc:
Hydrographic Survey Division - North :
a : 2025 1:2 000 b : 2024 1:5 000 c : 2022 1:2 000
d : 2024 1:2 000 e : 2013 1:5 000 g : 2023 1:1 000
f : 2005 1:50 000
Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam:
Department of Survey, Mapping and Geographic information Vietnam:
f : 2005 1:50 000
ĐỘ SÂU VÀ BÁO HIỆU HÀNG HẢI
Luồng và đã sâu thường xuyên thay đổi. Các phao và báo hiệu bằng hải khác được điều chỉnh cho phù hợp. Để cập nhật thông tin mới nhất, truy cập trang thông tin điện tử www.vrmsa.vn.
DEPTHS AND AIDS TO NAVIGATION
The channel and depths shown in this chart are subject to frequent change. The buoyage and other aids to navigation are adjusted accordingly. For the latest information, access website: www.vrmsa.vn.
CÁP NGẦM
Người hành hải được khuyến cáo không nên neo đậu hoặc kéo lưới rà ở các vùng lân cận của cáp ngầm.
SUBMARINE CABLES
Mariners are advised not to anchor or trawl in the vicinity of submarine cables.
Longitude 108°50' East from Greenwich
Vùng trút chất nổ
Explosives Dumping Ground
Vùng đón trả hoa tiêu cho tàu đến 200.000DWT ra ,vào bến cảng chuyên dụng Hòa Phát - Dung Quất
Coastal traffic zone
Dung Quat Harbour Limit
VŨNG DUNG QUẤT
VŨNG VIỆT THANH
Bãi cạn Năm Trăm
Cảng chuyên dụng Hòa Phát Dung Quất
Cảng Doosan Vina
Cảng Hào Hưng Quảng Ngãi
Cảng dầu khí Dung Quất
Port Authority
Tanks
Nhà máy Đóng tàu Dung Quất
Hòn Ông
Hòn Tre
Hòn Bà
Bình Thạnh
Bình Thuận
Bình Đông
Bình Chánh
Bình Trị
Bình Hải
Bình Phước
Sông Trà Bồng
Sông Cà Ninh
Sông Cà Ái
Bàu Cá Cái
NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT
Núi hòn Đỏ
Vũng Khe Na
M. Gò Nhan
M. Phước Thiềm
N. Bãi Bồn
N. Chóp Chài
N. Sừng Nước
Mũi Nam Quan
ĐƯỜNG ỐNG (xem Ghi chú)
PIPELINE (see Note)
CÁP NGẦM (xem Ghi chú)
SUBMARINE CABLES (see Note)
Cargo 1.5 Transparent Area
Cargo 13
Cargo 19
Mooring Buoy
Cargo Area
Anchorage Area
Tanker Area
Explosives Dumping Area
Cargo Area
Tanker Area
Explosives Dumping Area
Cargo Area
Tanker Area
Explosives Dumping Area
Cargo